

TÂN-SANH THƯ-XÁ

108. RUE BOBESSE SAIGON

QUỐC-VĂN SỬ-KÝ

GIÁO KHOA THƯ

thuongmaitruongxua.vn



Tác giả . Lê-cương-Phụng tự Tùng-Lâm

IN LẦN THỨ NHẤT
10 000

1948

GIÁ : 4\$00

Lời tựa

Nước phải có sử, sử để ghi chép triều đại, nhân vật, phong tục, sơn xuyên, sản vật trong nước. Cần như thế là biết lịch trình tiến-hóa.

Nước Việt Nam ta, kể ra thành lập một quốc gia từ đời thượng cổ **Hồng-Bàng** trước thiên chúa giáng sanh 2879 năm nhưng mãi đến đời nhà Lý mới có quốc-sử.

Thế là từ trước sử ký vẫn theo sử truyền văn không lấy chi làm xác thực.

Đọc qua những bộ Việt-Sử của **Lê-văn-Hưu**, **Ngô-sĩ-Liên**, thấy từ đời nhà **Đinh** về trước cũng đến lược khảo mà thôi.

Gần đây, ông **Trần-trọng-Kim**, **Đào-duy-Anh**, và giáo sư **Nguyễn-văn-Quế** đều có xuất bản một bộ sử **Việt-Nam** kể ra cũng đáng là một công-trình nghiên-cứu của một tinh cách sử học-gia.

Những với các bộ-sử ấy, về mặt kẻ-cứu thì thật là tinh tường còn đối với bạn trẻ em, mới nhập môn thì chúng nó phải mất hết nhiều thì giờ trong buổi chúng đang cần những sách phổ-thông thường thờ.

Vì vậy, tôi sưu tầm tài liệu trong những bộ sử của các nhà tân học đã soạn ra, tôi lại tham khảo với những bộ **Việt-sử Thông-giám**, **Lịch Triều Hiến Chương**, và bộ **Việt sử Cảnh** của cụ **Hoàng-cao-Khải**, lựa những điều cốt yếu, chia ra từng môn loại, để cho lũ trẻ em trong thời kỳ đang ở lớp đồng-ấu, sơ-dãng, tiểu-học, hiểu qua được đại-cương nghĩa là đồ hết cuốn **Quốc-Văn Sử-Kỹ** này thì đã lãnh hội được một phần cốt yếu của truyện tích nước nhà và theo từng môn loại, hiểu qua nhơn vật và chánh trị, một ngày kia các em sẽ dễ bề đi đến chỗ biết rộng, thấy xa, trở nên một nhà sử học.

T. L.

Triều Đại và Nhơn vật

ĐỜI HỒNG BÀNG

KINH DƯƠNG-VƯƠNG

Trước T.C. 2.879 đến đời HÙNG-VƯƠNG.

Trước T.C. 275 năm.

Theo các nhà sử cũng đều cho thời-dại ấy là thời đại thượng cổ, những sự tích toàn là truyền khẩu với nhau, cũng như bên **TRUNG-HOA** vào đời **BÁN-ĐỒ** đến đời **KHỐC-HY**, **THẦN-NÔNG-HOÀNG-ĐẾ**.

Có nhiều chuyện hoang đường, như một bào thai đẻ ra trăm trứng của đời **LẠC-LONG-QUÂN**. Con rùa vàng cõng móng chơn cho vua **AN-DƯƠNG-VƯƠNG** để làm nỗ bắn giặc. Cậu bé **ĐÔNG-THIÊN-VƯƠNG** ba tuổi đã cỡi ngựa sắt, cầm gươm vàng đuổi giặc cho vua. Trọng-Thủy theo nàng **MỸ-CHÂU** rồi nhảy xuống biển hóa làm ngọc trai v.v. ...

Những chuyện ấy không có khoa học chút nào, nên nhà viết sử phải cho là huyền hoặc.

Một khoảng thời gian nghi-sử, từ **Hồng-bàng** đến **Hùng-Vương**, **An-đương-Vương**, đến **Triệu-vô-Đế** hơn 2.000 năm thì nước ta bị người Tàu đô hộ.

Trong khoảng người Tàu đô hộ, từ 111 năm trước Thiên-Chúa giảng sinh đến 39 sau Thiên-Chúa giảng sinh, nước ta thuộc về nhà Hán.

Vua nhà Hán, chia nước Việt-Nam ra làm quận, huyện, sai quan qua cai trị gọi là chức Thứ-Sứ và Thứ-Thủ.

Có hai ông Thái-Thủ NHÂM-DIÊN và TỊCH-QUANG là người có công với dân tộc ta, người dạy cho ta biết lễ nghĩa, biết đọc sách vở, biết cấy-cày.

Còn phần nhiều là bọn tham quan ô lại, nhiều hại lương dân, bắt dân ta làm xuống biển tìm hạt trai, vào rừng đào mỏ, dân tinh thần oán vô cùng.

Thời kỳ ấy, nước ta có ba vị anh hùng đáng kể :

1. — Trưng-Nữ-Vương C. T. C. G. S. 40

Trưng-Nữ-Vương tên Trắc, vợ Thi-Sách bị Viên Thái thú TÔ-ĐÌNH giết, nàng cùng người em gái là Trưng Trắc, hiệu triệu dân chúng, khởi binh giết Tô-Đình, trả được thù chồng, đánh lấy được tất cả 63 đô thành, tự xưng vương, đóng đô ở MÊ-LINH (tỉnh Phúc-Yên bây giờ).

Được ba năm, vua Quang-Vô nhà Hán nghe tin, ben sai tướng Mã-Viện đem cả quân bộ và quân thủy sông đánh, Trưng-Vương quân ít, thế cô không địch lại, hai chị em đều trẫm mình xuống sông tự tử, nước Nam lại trở về nhà Hán đô hộ.

2. — Triệu-Âu.

Thời kỳ này Việt-Nam, thuộc về Ngô-vương-Quyển bên Tàu chiếm trị (226), một người dân bà quận Cửu-Nhân,

tên là Triệu-Âu, giận bọn nhà Ngô bạo ngược, cũng khởi binh chống cự quân Ngô, ngồi trên lưng voi, mặc áo vàng, mỗi khi ra trận tự mình đốc voi lướt đi lời trước, người trong nước tôn làm nữ-chúa. Nhưng không bao lâu, bị quân Thứ-sứ nhà Ngô là Lục Nhữn đánh bại, từ đó cỡi voi vào rừng, không ai biết tông tích nữa.

3. — Lý-Nam-Đế.

Năm 544, Lý-Bôn khởi nghĩa đánh quan Thứ-sứ nhà Lương (Trung-Hoa) là Tiêu-tư, vì Tiêu-tư đối với dân ta, thi hành một chính sách rất là tàn bạo, nên Lý Bôn nổi lòng công phẫn quyết đánh đuổi Tiêu-Tử, lúc bấy giờ có nhiều người tài trong nước phụ theo, nhờ vậy thành thử họ Lý được lấy lưng Lý tự xưng Nam-Việt-đế, đổi tên nước là Vạn-Nam, những tên được chọn làm, Triệu-quan-Phục, Lý-phật-tử, Mai-thức-Liên, Phùng-Hung mỗi người lên chiếm cứ được ít lâu, rồi cũng về tay người Tàu đô hộ.

Ngô-vương-Quyển

Trải qua mấy lần nội thuộc, trước sau gần 2.000 năm, nước Việt-Nam đều đứng dưới chế độ áp bức của người Tàu, lương không thể gì giải thoát được, mặc dầu có nhiều tay nhiệt tâm ái-quốc, mưu đồ khôi phục sơn hà, nhưng với sức châu chấu chống xe, khó nổi dương đầu với kẻ nghịch.

Ngô-vương-Quyển, một người có tài lược, lại nhà giàu có ở tỉnh Sơn-Tây, nhưn thấy Kiêu-công-Tiền bạo

nguyệt, Quyền khởi binh giết được Công-Tiền, rồi chặn đánh bại quân Tàu sang cứu viện ở sông Bạch-Đằng, rồi tự lên ngôi vua, đóng đô ở Cổ-Loa, lo chấn chỉnh chế độ triều đình và tuyển lựa quân lính để phòng ngự ngoại xâm. Trong một thời gian sáu năm, NHÀ HẸN (TÀU), không dám hó hé đến bờ cõi, thật là một vị quốc vương độc lập thứ nhất ở nước Việt-Nam.

Từ năm 939 đến năm 954 giòng Ngô hết người kế nghiệp, từ đó, nước Việt-Nam nổi lên chiến loạn mười hai sứ quân, đến năm 968 mới có vị anh-hùng cứu quốc đứng ra dẹp loạn mà không thống nhất nước nhà, người ấy là Đinh-bộ-Lãnh (Đinh-tiên-Hoàng).

Đinh-tiên-Hoàng

(968) ngang với đời Tống-thái-tổ bên Tàu

Sau khi bình định được thập-nhị-sứ-quân, Đinh-tiên-Hoàng đóng binh ở Hoa-Lư (Ninh-Bình) rồi lên ngôi Hoàng-Đế, đặt tên nước Đại-cử-Việt, niên hiệu Thái-Bình. Sai sứ sang cống bên Tàu, vua Tàu phong cho chức Giao-Chi-quận-vương, truyền ngôi hai đời, được 13 năm thì Lê-dại-Hành lên kế vị.

Lê-dại-Hành

Lê-dại-Hành tên Lê-Hoảng, người Thanh-Hóa, đời nhà Đinh làm chức Tập-dạo-tướng-quan. Sau lên ngôi vua đổi niên hiệu lại Thiên-Phúc.

Bấy giờ nhà Tống nghe tin Lê-dại-Hành lên ngôi vua, lo việc chinh-dồn vô bị, nên có ý sợ một ngày kia thanh-thế sẽ tràn sang đến Môn-Việt là hai tỉnh Biên-thủy, muốn ngăn hậu-hoạn và trở lại đồ họ như xưa, vua Tống sai 3 vị danh-tướng đem sang 12 muôn quân để chinh phục Lê. Nhưng Đại-Hành không chút sợ hãi, đem đại-quân ra cự địch, đại chiến lục-quân Tàu ở Lạng-Sơn và thủy-quân ở sông BẠCH-ĐẰNG, giết tướng Nhơn-Bửu tại trận, quân Tàu tán-loạn, từ đó nhà Tống không còn mạnh mẽ đồ họ nữa, đó là trận đại-thắng đầu tiên đáng kỷ-niệm của quân đội VIỆT-NAM.

Những ngôi vua Tiền-Lê chỉ truyền đến hai đời, đến vua Ngọa-Triều (LONG-ĐỈNH) thì mất, từ đó Lý công-Uân lên ngôi.

Nhưng nhà Lê nghiêm khắc, phê bình Lê-dại-Hành là một người không trung-thành với vua Đinh vì Đại-Hành đã chiếm ngôi vua của Đinh và lấy vợ vua Tiên-Hoàng làm Hoàng-Hậu.

Nhưng theo Việt-sử-Yếu của ông Hoàng-cao-Khải, thì lại biện hộ cho Đại-Hành mà nói: Cứ mặt luân-lý thì chỗ ấy Đại-Hành vẫn có chút khuyết điểm, nhưng lấy tình, thế mà nói, thì lúc bấy giờ con vua Đinh còn thơ-ấu, vợ vua Đinh cũng một người tầm thường phụ-nhơn, nước nhà đang lâm vào cảnh Trung-Hoa đế-quốc muốn xâm lăng bờ cõi, chiếm cứ đất đai, nếu không có tay anh-hùng trỗi-dậy ra đối đầu để chống giữ nước non, thì Việt-Nam sao khỏi bị ách nô lệ một lần nữa.

Như thế, mặc dầu Lê-dại-Hành đối với vua vẫn có tội, nhưng đối với nước, lại là kẻ có công, tội ít, công nhiều, nhà cầm bút nên cân nhắc chỗ ấy.

Lý - Thái - Tổ

**Lý-công-Uân lên thay thế cho nhà Lê,
đổi niên hiệu là Thuận-Thiên, (1009)**

Công-Uân người tỉnh Bắc-Ninh, đời vua Đại-Hành làm chức Điện-Tiền-chủ-huy-sư, qua đời vua Ngô-Triều, tâu bạo, làm thất nhơn tâm, nên đến khi vua Ngô-Triều mất, nghị triều đều đồng lòng tôn Công-Uân lên ngôi vua.

Lý-Thái-Tổ khi lên ngôi, sửa sang việc nội trị rất chu đáo, dời kinh-dô ra Thăng-Long (Hà-nội) dựng thành quách, cung điện, thân hành đem binh đi dẹp giặc để đem sự an ninh trật tự cho dân gian. Ở ngôi 19 năm, sắp đặt quốc mô trong nước có vẻ hoàn bị. Tiếc rằng đời Lý Thái-Tổ cho bọn Tăng-giả lòng quyền hành trong nước, điều đó làm các nhà chép sử cho là khuyết điểm của một vị Đế-Vương. Lý-Thái-Tổ truyền ngôi được 9 đời :

Thái-Tôn	1028
Thành-Tôn	1054
Nhơn-Tôn	1072
Thần-Tôn	1127
Anh-Tôn	1138
Cao-Tôn	1173
Huê-Tôn	1210

Huê-Tôn không con trai, phải truyền ngôi cho con gái là Chiêu-Hoàng.

1224 - Chiêu-Hoàng lúc bấy giờ mới được bảy tuổi,

bị Trần-thủ-Độ một tay quyền thần gian ác, ép gả cho cháu mình là Trần-Cảnh 8 tuổi, rồi buộc phải nhường ngôi vua cho Trần-Cảnh, từ đó họ Lý mất mất ngôi mà dời về nhà Trần.

Thế là họ Lý thấy chung được 9 đời vua, cộng được 216 năm.

Trần - Thái - Tôn

Tên húy là Trần-Cảnh, nhờ được chú là Trần-thủ-Độ một vị thủ-tướng nhà Lý, lấy oai quyền áp chế Nữ-vương Chiêu-Hoàng, ép Chiêu-Hoàng phải lấy Trần-Cảnh và nhường luôn cả ngôi vua.

Trần-Cảnh lên ngôi, hiệu Thái-Tôn (1225). Từ 8 tuổi cho đến lớn, chính sự trong triều đều nhứt nhứt do một tay Trần-thủ-Độ, Thái-Tôn chỉ có danh hiệu vua mà thôi. Ở ngôi được 19 năm rồi truyền ngôi xuống 12 đời :

Thánh-Tôn	1268
Nhơn-Tôn	1278
Anh-Tôn	1293
Minh-Tôn	1314
Hiếu-Tôn	1329
Dụ-Tôn	1344
Nghệ-Tôn	1370
Đạt-Tôn	1377
Thần-Tôn	1388

Cộng 12 đời liên tiếp được 184 năm, vừa đến Hồ-quí-Lý cướp ngôi.

Hồ - quý - Ly

Hồ-quý-Ly họ Lê, giòng-giới người Tàu, từ phụ sang lưu cư ở tỉnh Nghệ-An, sau dời ra ở Thanh-Hóa. Nhờ có thích thuộc bên ngoài với vua Trần nghệ Tôn, nên oai thế càng ngày càng lớn, làm quan Phụ chính, lấn lướt quyền thế nhà vua, tự lập bỏ đảng, hạ vua Thiếu-đế nhà Trần xuống, rồi tự mình lên ngôi vua, đặt hiệu nước là Đại-Ngu. Ở ngôi được một năm (1400), rồi truyền cho con là Hán-Thương, tự mình xưng là Thượng-Hoàng.

Vì Quý-Ly đưng thơ cho vua nhà Minh, nói dối rằng nhà Trần đã tuyệt tự, nên y xin quyền nhiếp việc nước, vua nhà Minh tin, mới phong cho trước « ANNAM QUỐC-VƯƠNG » sau con cháu nhà Trần, có người chạy sang Tàu, nói tình hình ấy rõ, nhà Minh mới sai tướng Hàn-Quan đem binh sang đánh. Cháu con Hồ-quý-Ly sợ hoảng, chạy vào tỉnh Hà-Tĩnh, trốn ở huyện Kỳ-Anh, bị người Chiêm-Thành hay được, bắt sống cả hai cháu con, giải sang Kim-Lãng, từ đó nhà Hồ mất nước, nước Việt-Nam lại bị thuộc quyền đô hộ nhà Minh, một thời gian mất 1 năm.

Năm 1407, con thứ ba vua Trần-nghệ-Tôn, được hai vị cựu thần là Trần-thiệu-Cơ và Đặng-Tất đi tìm kiếm ở Ninh-Bình rượt về tôn lên ngôi đặng nối nghiệp nhà Trần, gọi là Giản-Định-Đế.

Nhưng Giản-Định-Đế ở ngôi chưa được một năm bị nghe lời nịnh thần mà giết hai vị trung-thần và ân-nhân

là Đặng-Tất và Nguyễn-cảnh-Chân, nên con hai vị trung-thần ấy lấy làm thù oán, bèn hạ Giản-Định-Đế xuống mà lập cháu Nghệ-Tôn lên, hiệu là Trưng-Quang.

Trưng-Quang lên ngôi, (1409) nhà Minh lại sai tướng Trương-Phụ sang, định lấy binh lực hăm dọa, nên vua tôi Trưng-Quang đều bị hại trận, quân Trương-Phụ toàn bắt đem về Kim-Lãng, giam chung với Giản-Định-Đế đã bị giải về trong trận thất bại ở Hàm-Tử. Nhưng đi vừa nửa đường thì vua Trưng-Quang và hai người tôi là Đặng-Dung và Nguyễn-Sứ đều nhảy xuống sông chết hết, đó là kết cuộc mạng vận nhà Trần.

Ngày ấy, nước Việt-Nam lâm vào cảnh nhà tan nước mất, Trương-Phụ trọn quyền lãnh thổ, mặc sức hoành hành, kẻ người làm bộ tuyên bố tìm con cháu nhà Trần, để trấn tĩnh nhân tâm, nhưng bề trong vẫn trù tính những mưu mô đàn áp, để giam hãm dân-tộc Việt-Nam vào vòng suốt đời nô lệ.

Bấy giờ, nhà Minh đổi tên nước ta là « GIAO-CHÍ-QUỐC » Nhơn cơ hội ấy, nhiều bọn Việt-Gian như Nguyễn-Huân, Lương-xí-Hổ, Đỗ-duy-Trung v. v..., dựa thế lực của người Minh để hăm hại đồng bào, trong 14 năm ròng rã, dân tộc Việt-Nam bị áp chế cường quyền, làm thần trâu ngựa, tưởng đời đời, kiếp kiếp, không thể nào mong được thoát ly.

Ái nờ đất Lam-Son (THANH-HÓA) lại có vị cựu-quốc anh hùng, đau lòng thấy cảnh nước nhà rên chí phục thù, nếm mật nằm gai trong 10 năm, thân phục giương san,

đuổi sạch quân Minh, dựng cờ độc lập. Người ấy là Lê Thái Tổ vậy.

Lê - Thái - Tổ

1.428

Giữa lúc thanh thế người Minh đang lừng lẫy, Lê Thái Tổ chỉ xuất thân trong một nhà nông, thế mà không khal tự mình bôn hải gia sơn chiến mọ trên vài ngàn người, lập thành đạo quân nghĩa dũng, ban sơ khởi binh ở núi Lam-sơn, lần lần những tay hao kiệt xa gần nghe danh hưởng ứng; phụng theo, quân gia càng ngày càng đông đảo, tự xưng Bình Định Vương, nhiều lần đánh bại quân Liễu-Thắng, Mộc-Thành và Vương-Thống là ba vị tướng Tàu rất có tiếng.

Đến năm thứ 10, chém được đại tướng Liễu-Thắng, và Lưong-Minh, bắt sống được hai tướng Hoang-Phúc, Thôi-Tụ tại trận Chi-Lăng, Mộc-Thành hoảng hốt kéo binh chạy trốn về Tàu; ngày ấy là ngày hoàn toàn thống nhất, nghị mới ban tờ « BINH NGŨ ĐẠI CAO » khắp cả dân gian, rồi lên ngôi Hoàng-Đế đặt niên hiệu là THUAN-THIÊN. Từ đó giương san tở quốc, không còn bị nạn ngoại xâm, sanh linh hết cơn dõ thán, thật đáng một mọi vị vua quốc anh-hùng.

Lê-Thái-Tổ, ở ngôi chỉ được 6 năm, sống lâu chỉ có được 40 tuổi. Rồi truyền xuống :

Thái Tôn 1.433

Nhơn Tôn 1.442

Thánh Tôn	1.460
Hiển Tôn	1.497
Túc Tôn	1.504
Oai-mục Đế	1.504
Tường-dục Đế	1.509
Chiêu Tôn	1.516
Cung Hoàng	1.522
Trang Tôn	1.530
Trung Tôn	1.544
Anh Tôn	1.570
Thế Tôn	1.583
Kinh Tôn	1.605
Thần Tôn	1.623
Huyền Tôn	1.666
Hy Tôn	1.677
Hiên Tôn	1.749
Mãn Đế Chiêu Thống	1.786

Nhà Lê đến đây cáo chung.

Kể ra, vua nhà Lê đến khoảng từ vua Chiêu-Tôn, (1516) quyền bính đã về họ MẠC. Hết đời MẠC đến Trịnh, hết Trịnh đến Tây-Sơn, trong một khoảng hơn hai trăm năm, vua LÊ mấy đời chỉ có danh hiệu mà thôi, đến đời MÃN ĐẾ CHIÊU THỐNG, vua khiếp nhược, phải cầu cứu vua nhà THANH, vua nhà Thanh sai TÔN SĨ NGHỊ đem binh sang giúp giặc TÂY SƠN, nhưng SĨ NGHỊ bị quân TÂY SƠN NGUYỄN-ĐUỆ đánh bại, vua Chiêu-Thống cùng SĨ NGHỊ đều chạy qua Yên-Kinh. Nguyễn-Đuệ một

mặt khác sai sứ sang hồi lộ cho quan nhà Thanh cầu-phong. Từ đó Huệ được phong làm ANNAM quốc-vương, còn vua lỗi nhà Lê ở mãi Yên-Kinh cho đến ngày chết.

Tổng kết lại, trước sau triều LÊ cộng hai chục đời vua, được 337 năm, thì đến ngày TRỊNH, NGUYỄN và Tây-Son tranh nhau một thời kỳ, gọi là thời kỳ phân tranh NAM-BẮC.

Tây - Sơn

1.786

Nguyễn Nhạc người hạt Tuy-Pước, tỉnh Quy-Nhon (BINH-ĐỊNH) Nguyên làm chức biện-lại, bị xai tham thuế, trốn vào trại Tây-Sơn (PHŨ-CÁT), cầm đầu đảng cướp bóc, nhờ dùng kế giảo ngoặt mà chúng qui phục ngày càng đông.

Em là Nguyễn-Huệ, người có tài lược, biết thời thế giúp cho anh trở nên cơ nghiệp, ban đầu chiếm cứ Quy-Nhon, lần lần kéo binh ra Quảng-Nam, đánh chúa Nguyễn lấy luôn Thuận-hóa (HUẾ).

Thanh thế càng ngày càng mạnh, nên Nhạc phong cho HUỆ làm Bắc-Bình-Vương, tự mình xưng Nam-Bình-Vương đóng đô tại Bình-Định.

Nhon thấy lúc bấy giờ nhà Lê thất thế, bị chúa Trịnh chuyên quyền, Huệ thừa cơ kéo đại-binh ra thẳng đến Thăng-Long (HÀ-NỘI), lấy danh nghĩa diệt Trịnh phò Lê, đánh bại quân Trịnh trên sông Vị-Hoàng, bắt sống chúa Trịnh-Khải, phải tự-vận.

Vua nhà Lê trả ơn cho Nguyễn-Huệ bằng tước Đại-Quốc-Công và gả Công-Chúa Ngọc-Hân cho Huệ.

Nhưng, vua Lê chỉ sợ Huệ tiến ngôi, nên lên sai người sang cầu viện bên nhà Thanh, vua Thanh sai Tôn-sĩ-Nghị đem 12 vạn quân sang định trừ giặc Tây-Sơn, Huệ nghe tin cả giận, liền từ Nghệ-An kéo binh ra, đánh quân Tôn-sĩ-Nghị xiển niên, chém được hai đại-lương, còn Tôn-sĩ-Nghị cùng vua Lê-Chiến-Thống đều trốn chạy về Tàu. Đó là Nguyễn-Huệ thành công trận giặc BỔN-ĐA năm 1789 mà ngày nay người Việt-Nam còn vẫn nhắc nhở.

Nguyễn-Huệ lúc bấy giờ, thanh thế rất mạnh, đánh được chúa NGUYỄN ở Thuận-hóa, đuổi luôn quân Tàu ở Bắc-thành, rồi tự lên ngôi Hoàng-Đế, đặt niên hiệu Quang-Trung 1788-1792, được năm năm, truyền ngôi cho con là Nguyễn-Trần Quang-Toản kế vị, không đủ tài lược chống với chúa NGUYỄN, nên đánh thua mãi, quân sĩ càng hao mòn, đến năm 1802 vua lỗi Tây-Sơn đều bị chúa Nguyễn bắt được, thì là đời oanh-liệt trước sau 35 năm của Tây-Sơn, cơ đồ lại thuộc về nhà NGUYỄN.

Đời nhà Trịnh

1.538

Họ TRỊNH phát tích từ đời LÊ-TRANG-TÔN, lúc ấy nhà Lê bị họ MẠC lật đổ, vua Trang-Tôn trốn sang Lèo, nhờ chúa Nguyễn-Kim (Triệu-Tổ) là công thần của nhà Lê, cùng với rể là Trịnh-Kiểm sang Lèo tìm về lập lên ngôi vua.

Trịnh-Kiểm cố tài văn võ, chúa Nguyễn-Kim đã gả con gái là Công-Chúa Ngọc-Bửu cho, lại tiền cử cho vua Trang-Tôn, vua phong cho tước hầu, Kiểm nhờ nhà Lê, lập được nhiều công, nên một tay nắm cả binh quyền của nhà vua, cốt đồ kị với chúa Nguyễn. Trịnh-Kiểm có hai người con trai, Trịnh-Cối và Trịnh-Tùng; Kiểm yêu cầu nhà vua phong cho quyền tước và cùng làm việc nước.

Ngày Trịnh-Kiểm mất, con là Trịnh-Tùng chấp chính (1699) Tùng cậy mình có công giết được Mạc Mậu-Hiệp, nên ý thế kiêu căng, tự mình xưng chúa, kiếm cách đẩy chúa NGUYỄN HOÀNG (GIA-DŨ) vào trấn Thuận-Hóa (HUẾ) để một tay mình thao túng chánh quyền.

Trịnh truyền ngôi cho con đời Trịnh-Trang, Trịnh-Cối, Trịnh-Tạc, Trịnh-Cương, Trịnh-Bồng, Trịnh-Sum, Trịnh-Đinh, Trịnh-Khai, đến đời Trịnh-Sum, Nguyễn-Hoàng giết Trịnh-Khai, họ Trịnh mới lặn (1789).

Đời nhà Nguyễn

Đời nhà Nguyễn, người tỉnh Thanh-Hóa, huyện Tống-Sơn phát tích từ chúa Nguyễn-Kim (Triệu-Tổ) nhưng hai đời trước cũng công thần nhà Lê. Khi họ Mạc chiếm ngôi vua, Nguyễn-Kim cũng về ở Trịnh-Kiểm sang nước Xi-Lao (LÊO) tìm con vua Lê-chiến-Tôn đem võ lập lên làm vua gọi là Lê-Trang-Tôn.

Nguyễn-Kim khi giới thiệu Kiểm cho nhà vua, Kiểm lập được nhiều công trận, được nhà vua trao cho binh quyền, kiểm mới sanh lòng đố kỵ chúa Nguyễn, sợ tranh

bớt quyền mình, trước hết ám hại con trưởng của chúa Nguyễn Kim là Nguyễn-Uông (Lãng quốc-Vương).

Con thứ hai của chúa Nguyễn-Kim là Nguyễn-Hoàng (Gia-Dũ) biết rằng ở triều chắt không khỏi bị ám hại nữa, nên mới nhờ chị mình là Công-chúa Ngọc-Bửu (vợ Trịnh-Kiểm) xin vào trấn ở Thuận-Hóa, để lánh mạng được an toàn, Kiểm lợi dụng được dịp xa Nguyễn để cha con mình một nhà nắm giữ chánh quyền nên cho Nguyễn-Hoàng vào trấn Thuận-Hóa (Huế) là chỗ đất ma thiêng nước độc, lại cũng là một cách đẩy khéo, Nguyễn không còn ngợy dám chỗi mọc nhánh ở Bắc Hà nữa?

Chúa Nguyễn Hoàng từ được thoát ly khỏi tay họ Trịnh, bên thu dụng các tay hào kiệt, chiêu mộ binh lính từ Thanh-Nghệ trở về, mở mang đất đai, đuổi bọn Chiêm-Thành về các vùng miền trong, tự mình lập thành bờ cõi.

Đến đời con chúa Nguyễn-Hoàng, là chúa Nguyễn-phúc-Nguyên, lại thêm xây dựng thành trì, ngành ngang một cõi biên thủy, tuy chịu tước phẩm nhà Lê, nhưng vẫn không phục họ Trịnh.

Trịnh-Trang (con Trịnh-Tùng) thấy Nguyễn-phúc-Nguyên hùng lũy bên đem binh vào Thuận-Hóa định diệt trừ họ Nguyễn, từ đó Nguyễn và Trịnh mới sanh cơn thù, đánh nhau trước sau 7 trận, gần 50 năm.

Đến ngày Tây-Sơn diệt Trịnh, chúa Nguyễn lại đổi đầu với Tây-Sơn.

Kể Nguyễn chúa từ đời chúa Nguyễn-Hoàng vào đến đời Thuận-Hóa, truyền nhau có những đời các chúa :

Hiếu Văn
Hiếu Chiêu
Hiếu Triết
Hiếu Võ
Hiếu Nghĩa
Hiếu Minh
Hiếu Khương
Hiếu Định

Trải qua hơn 200 năm, mới đến chúa Nguyễn Ánh bình định được Tây-Son, lên ngôi Hoàng-Đế, hiệu Gia-Long 1802.

Vua Gia-Long ở ngôi được 18 Năm 1802-1819

Vua Minh-Mạng 1820-1840 được 20 năm

Vua Thiệu-Trị 1841-1847 " 7 năm

Vua Tự-Đức 1847-1883 " 36 năm

Năm Tự-Đức 11 (1858) người Pháp bắt đầu xâm chiếm đến ĐÀ-NẴNG (TOURANE) ban đầu đưa thư xin thông thương, sau gây một trận huyết chiến, quân ta bị bại trận. Năm Tự-Đức 15 (1862) Pháp quân vào đánh cửa Cần-Giờ, đồ bộ lên Gia-Định và trú quân tại Biên Hòa.

Năm Tự-Đức 16 (1863) Việt-Nam, phải chịu nhường ba tỉnh Gia-Định, Định-Tương và Biên Hòa cho Pháp đến năm 1867 nhượng luôn ba tỉnh Vĩnh Long, An-Giang, Hà-Tiên nữa. Ấy là Nam Kỳ 6 tỉnh, trọn về thuộc địa nước Pháp. Năm Tự-Đức 26 (1873) Pháp kéo binh đánh Hà Nội, buộc Việt-Nam lập hòa ước thông thương. Năm 1883 (Tự-Đức 36) Việt-Nam ký hòa-ước với Pháp, giao Bắc-Kỳ thuộc quyền bảo hộ người Pháp. Năm ấy vua Tự-Đức thăng-hà,

ngai không con, con nuôi thứ nhất là Dục-Điền, bị quyền thần Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết âm hại, lập ông Hoàng-lăng Quốc Cống (Hiệp-Hôn).

Vua được vài tháng, cũng xư tử hình chứng mới lập vua Kiến-Phúc lên, chỉ được 5 tháng thì vua Kiến-Phúc thăng hà, khi ấy chúng lập con vua Kiến-Phúc là Hàm-Nghĩ.

Vua Hàm-Nghĩ, lên ngôi, chưa được ba tháng thì kinh thành Huế thất thủ 1885 : Việt-Nam lại phải ký hòa ước giao luôn Trung-Kỳ cho Pháp bảo hộ.

Vua Đồng-Khánh (1886)

Vì kinh thành Huế thất thủ, nên đại thần Tôn-Thất-Thuyết phò vua Hàm-Nghĩ chạy trốn, triều đình phải tôn con nuôi vua Tự-Đức là vua Đồng-Khánh, lên kế vị.

Vua Đồng-Khánh được ba năm, thì thăng hà, nên vua Hàm-Nghĩ được chọn lên kế vị (Vua Thành-Thái là con ông Hoàng-trưởng-lữ vua Tự-Đức tức là Dục-Điền).

Vua Thành-Thái (1889) ở ngôi được 19 năm, bị phế truất, đưa vào trù ngụ Sài-gòn, con ngài là Duy-Tân lên nối ngôi.

Vua Duy-Tân (1907) kế vị được 9 năm, cũng bị phế truất, rồi cùng Hoàng-phụ Thành-Thái đều bị đưa ra đảo Réunion, mới đến trào Khải-Định.

Vua Khải-Định (1916) con vua Đồng-Khánh, ở ngôi được 10 năm, thăng hà, truyền cho con là Vĩnh-Thụy (Bảo-Dại).

Năm 1923, Vĩnh-Thụy mới 7 tuổi, mặc dầu chịu chức Hoàng-Đế, nhưng vẫn sung du học ở Pháp, đến 17 tuổi mới về nước cầm chánh quyền từ 1936 đến 1943. Việt-Minh

lên nắm chánh quyền, vua Bảo-Đại phải hạ chiếu thoái-vị, giao chánh quyền cho chánh phủ Việt-Minh.

Chánh phủ này do ông Hồ-chí-Minh lãnh-đạo, lập Việt-Nam-Cộng-Hòa chánh phủ tại Hà-nội, Hồ-Chí-Minh làm chủ tịch, còn vua Bảo-Đại lĩnh chức tối-cao cố-vấn cho chánh phủ ấy.

Nhưng qua năm sau, nhà đương-cuộc Pháp ký hiệp-uớc ở Mars thì vua Bảo-Đại sang Trung-Hoa, rồi trú ngụ ở Hồng-kong. Kể từ đây xảy ra cuộc Pháp-Việt xung đột, thống 40 năm ấy Hồ-chí-Minh bỏ Hà-nội đi, chánh phủ Pháp phải sai ông Bollaert thay mặt ở Đông-Dương, xem xét về tình hình Việt-Nam.

NHƠN VẬT

thời kỳ Bắc thuộc (Tây-Hoa 200)

Nhâm-Điền và Tích-Quang là hai vị quan Thái-thủ Giao-chỉ của nhà Hán gởi sang. Hai ông ấy sẵn lòng khai hóa cho dân ta, dạy cho dân ta biết cấy cấy, đọc sách và bày cho biết những lễ nghi gia-thú và tang, tế v.v...

Ông Sĩ-Nhiếp sang làm Thứ-Sử Giao-Châu, không hề những lạm của dân, giúp yên được trộm cướp ở nước Việt hơn 40 năm, trong nước được an toàn, sau Sĩ-Nhiếp mất, người ta đem hai cột về Tàu, thấy diện mạo còn như người sống, dân gọi là Sĩ Vương-Tiên.

Ông Cao-Biền, nhà Đường sai qua làm Đô-Hộ-Sứ. Lúc bấy giờ nước ta thường bị một Nam-Chiều tới khuấy

ruộng, dân sự ăn ở không yên, đến khi Cao-Biền sang các việc cai trị, dân đó chính tở, dân Việt rất tôn kính, gọi là Cao-vương.

Ông Mã-Viện, ở đời Đông-Hán, (540) vua Quang-Vũ 16 phong cho chức Phục-ba-tướng-quan, theo sử Tàu thì Mã-Viện một người có tài lược, quốc thước anh hùng, nhưng vì phụng-mạng vua nhà Hán, đem trên 10 muôn quân cả thủy và bộ sang đánh với hai người đầu bà, là Trưng-Trắc và Trưng-Nhị, quân lực không bao nhiêu.

Trận đại-thắng này không anh hùng chút nào, nhà sử Nam không hề lân-lộng, chỉ ghi một chuyện là Mã-Viện sau khi bình-dịnh được nước ta, lúc trở về có dựng một cột đồng, (đồng-trụ) làm giới hạn nước Hán và nước Việt.

Đời Đinh

Đinh-Biền và Nguyễn-Bặc, là hai vị tướng tài giúp vua Tiên-Hoàng rất dặt lực, bình định được 12 Sứ-Quân, có sự chép:

Nguyễn-Bặc là thủy tổ của nhà Nguyễn một giống vua gần 200 năm của nước Việt-Nam.

Đời Lý

Triều Lý-chơn-Tôn, này sanh ra một vị tướng tài, làm đối diện với một đạo hùng-Binh nhà Tống.

Người ấy là Lý-thường-Kiệt. Lúc bấy giờ nhà Tống có ý muốn đô hộ lại nước ta, nên phái đại-tướng Vương-

thủ-Tiết, đem đại binh hơn 15 vạn, đến toàn đánh lấy hai châu Khâm-Liên (2 tỉnh ở Bắc giáp ranh Tàu). Nhưng Lý thường-Kiệt ra sức chống cự giết chết quân Tán hơn 10 vạn, chúng đó nhà Tống mới chịu nhận thư đình chiến và giảng hòa. (1.405).

Tô-hiến-Thành, một vị văn thần, tánh rất ngay thẳng, khi vua Lý-anh-Tôn mất, bà Thái-hậu Chiêu-Linh, đưa vàng dát lót cho Tô-hiến thành muốn nhờ Tô lập con mình làm vua, nhưng Thành cự tuyệt, chỉ tuân di chiếu của Anh-Tôn, nhất định lập Thái-Tử là con đích.

Vua Tự-Đức trong tập vịnh sử có lời khen Hiên-Thành, tỵ Hiên Thành cũng như Gia cát-vô-hữu (Khổng-Minh) vậy.

Đời Trần

Hưng-đạo-Vương, Trần-quốc-Tuấn, giỏi nhà Trần, một nhơn vật anh-hung gồm tài văn võ.

Năm Trần-nhơn-Tôn thứ nhất (1279), ở Tàu đã bị Mông-cổ lấy nước, đổi hiệu nước là Nguyên. Bắt đầu sai sứ sang yêu sách nước ta phải tuân theo lệ cũ, nộp thuế và triều cống, bằng không thì sẽ đem binh sang đánh.

Vua Nhơn-Tôn muốn vâng theo, Quốc-Tuấn không chịu, cho như thế là nhục quốc thể, bèn mộ hơn ba chục vạn quân, luyện tập quyết chờ ngày kháng chiến.

Quả nhiên, quân Nguyên rầm rộ kéo sang, Trần-hưng-Đạo, đánh bại luôn mấy trận Trận thứ nhất đánh đuổi Thoát-Hoa chạy ra khỏi biên giới, Trận thứ hai giết

Tos-Đô tại Hàm-Tử-Quan. Một trận oanh liệt cuối cùng, tại sông Vạn-Kiếp, đuổi được Thoát-Hoa và Ô-mã-Nhi chạy dài, rồi chặn Ô-mã-Nhi bắt sống tại Bạch-Đằng-giang, từ đó quân tướng nhà Nguyên khiếp vía kinh hồn, không dám húc lưỡi đến đất Việt-Nam nữa.

Đồng thời có những danh-lương như Trần-quang-Khải, Trần-nhiệt-Duyệt, Phạm-ngũ-Lão đều là vị lợi kết lòng cứu quốc trong buổi gian nan.

Về nho thần, người có danh vọng, khi tiết mà si cũng sung bát, thì đời Trần-Minh-Tôn, 1.280, có ông Chu-An là người đứng vào bậc nhất.

Ông Chu-An làm quan Tư-Ng nghiệp-quốc-tử-giám đời vua Minh-Tôn, đến đời vua Trần-du-Tôn, bọn quyền thần làm lộ, ông Chu chẳng sợ chúng chút nào, cứ việc thảo luận vua và vua chém đầu bảy tên nhơn thần, vua sợ, không dám nghe lời, Chu-An bèn treo áo mào về ẩn cư núi Chí-Linh 1.300.

Ông Hàn-Thuyên ở triều vua Trần, nhưn Tôn 1.228 làm chức Thượng thư Hình-bộ.

Ông Hàn nho học thâm thúy, người đầu tiên dùng quốc-văn làm thi-phủ, người trong nước bắt buộc làm theo, từ đó, nước Việt-Nam thành riêng một lối văn chương đặc biệt của nước nhà.

Đời Lê

Nguyễn-Trãi, người Hà-nội, con ông Nguyễn-phí-Khanh thi đậu Bảng Nhãn đời nhà Trần :

Lúc nhà Minh sang chiếm tại nước ta, Phi-Khanh không chịu thần phục, quân Minh mới bắt Phi-Khanh giải sang Kim-Lang, Nguyễn-Trãi theo theo cha, Phi-Khanh dặn Trãi lo về phục thù cha, rửa hèn nước, không nên đưa đón làm gì. Từ đó, Nguyễn-Trãi dốc lòng rèn chí, quyết trả gộc Minh, khi nghe tin ông Lê-Lợi (Lê-thái-Tổ) khởi nghĩa nổi Lam-Son, Trãi bưng bả vào xin yết kiến, dùng kế hợp binh Ngô. Từ đó Lê-Lợi dùng làm tay chân, Trãi giúp cho nhà vua được nhiều công-nghiệp từ 1418 đến 1427 là ngày đuổi được quân Minh, thu phục sơn hà, Nguyễn-Trãi mới thảo bài Bình-Ngô đại-Cáo, truyền khắp dân gian, danh tiếng lẫy lừng, một vị hào kiệt, Việt-Nam phục thù cha, rửa hèn nước, làm một công-thần độ nhiệt của nhà Lê.

Nguyễn-bình-Khiêm (Trạng-Trình) sinh vào đời Hán-Lê, khi lớn mới, Mạc lên ngôi, ông Nguyễn-bình-Khiêm, phải ra ông thi triều nhà Mạc.

Năm 1533, đời Trung-Nguyên, người chẳng những giỏi về văn chương, lại còn tinh thông môn thuật số, có làm chuẩn câu sấm rất linh nghiệm, ở Bắc-Kỳ ngày nay nhiều người còn truyền tụng.

Ông biết trước Lê sắp có ngày trung hưng, nên ông cho Mạc Mậu-Hiệp hay, sau có bề gì, dời ra Cao-Bằng, cũng còn kéo dài được vài đời nữa, quả nhiên, đến sau Lê trở lại Thăng-Lang họ Mạc dời ra Bình-Cao-Bằng được 80 năm mới hết.

Ông lại mách cho chúa Nguyễn-Hoàng, giải đất Hoành-Son, có thể dựng thân lâu đời được. Cũng y như lời, Chúa

Nguyễn-Hoàng nhờ lấy giải đất Hoành-Son (Đèo-Ngang) làm căn cứ, nên sau đánh được Tây-Son mà dựng nghiệp vua.

Lê-Hữu-Trắc, người Hải-Dương-sinh vào đời Lê-Mạc, Trịnh tiếm ngôi, ông không chịu ra làm quan, chỉ ở nhà nghiên cứu, sách thuốc, vào núi hái thuốc, tìm được nhiều môn thuốc kinh nghiệm, tiếng đồn khắp cả nước, ai cũng biết danh « Hải-Thuợng-lăng ông ». Chúa Trịnh cho người vời vào triều, phong cho chức quan y, nhưng ông nhất định cáo từ, xin về núi dạy học trò, làm sách vở để lưu công-nghiệp đời sau. Ông Trắc có soạn bộ sách thuốc « Hải-Thuợng », 26 cuốn, trong ấy có nhiều phương chữa thần hiệu theo chứng bệnh người phương Nam. Lúc bấy giờ, trong nước gọi ông là ông « Thánh-Thuợc ».

Đào-duy-Tử

Nguyên người tỉnh Thanh-Hóa, học giỏi, có tài gồm văn võ, nhưng vì con của nhà họ tương lễ không được thi cử, ông buồn tình vào ở chân trâu cho một người nhà giàu ở Qui-Nhon (Bình-Dịnh) có ý ở ẩn dật chờ thời.

Lúc bấy giờ, Chúa Nguyễn-Hoàng trấn tại Quảng-Trị, đang cần chiêu nạp nhân tài, để chống với nhà Trịnh (1.699) ĐÀO-DUY-TỬ bèn tìm ra, nhờ người bạn tiền dân, Chúa NGUYỄN thấy người có tài lược, phong cho trước Ngu-Tân-Hãn, đến đời con của chúa Nguyễn-Hoàng là Hiến-Văn lại càng trọng dụng. Đào-Duy-Tử hay cho chúa

Đắp lũy Trường-Dục tỉnh Quảng-Bình và lũy Nhật-Lộ ở gần gần ở phía Bắc, tục gọi là "Lũy-Thầy" nay còn dấu tích.

Nhờ hai lũy ấy kiên cố nên nhiều lần quân Trịnh ở Bắc-Hà vào, không thể vượt qua được, buộc phải thoái lui.

Trịnh-Cửu và Trịnh-Thiên-Tích

Cũng vào đời Chúa-Nguyễn, đang kinh doanh cơ nghiệp ở Nam-kỳ, trong khoảng 1.611-1.620. Người khách Quảng-dông, Trịnh-Cửu, một tay hào phú vì buồn theo nhà Minh mất nước, nhà Thanh chiếm quyền, ông ta mới đến cả gia-quyền sang lưu-ngụ ở Hà-Tiên. Tỉnh Hà-Tiên bấy giờ vẫn còn là đất cồng hoang, Trịnh-Cửu mộ dân khai phá, thành ruộng đất, lập thành phố, gọi là Hà-Tiên. Nhiều lần bọn Cao-Miền tới quấy nhiễu, Trịnh-Cửu đánh dẹp được yên, rồi đem các ấp ấy xin nhập vào bản đồ biên giới nước Nam, Chúa Nguyễn phong cho quan tước và cho ở đó cai trị nhơn dân, đến đời con là Trịnh-Thiên-Tích, nổi chí cha khai khẩn làm thêm đất đai rộng tới Châu-Độc, Long-Xuyên; đắp lũy đào sông thành một nơi đô hội phồn thịnh. Nhà Nguyễn cũng phong cho tước cha, trấn thủ các vùng ấy.

Ngày nay dấu tích như những các sớ đến dài, chùa, miếu, vẫn còn có ở Hà-Tiên. Dân Hà-Tiên có lập miếu thờ hai cha con họ Trịnh để kỷ niệm công trình khai sang xứ này.

Lê-văn-Duyệt

Gốc gác ở Quảng-Nghĩa, đời loạn Tây-Son, dời vào ở Nam-Kỳ, người có sức mạnh phi-thường lại có mưu lược, nghe chúa Nguyễn-Anh bị bại trận Tây-Son, vô Gia-dịnh, ông Duyệt mới tìm tới xin làm bộ hạ. Chúa Nguyễn-Anh nạp dụng, giao cho binh quyền, nhiều lần Lê-Công vưng lĩnh, đánh Nam dẹp Bắc, đều lập được đại-công. Năm 1.779, chúa tể vị tại Sài-gòn phong cho Lê-Công chức Tả-quân, từ đó theo đức Gia-Long (Nguyễn-Anh) chỉ huy quân đội, gần 20 năm, đến ngày ngài thân phục thành Phú-Xuân (BUỒ) 1.802, lên ngôi Hoàng-đế, ngài giao cho Lê-Công ở Gia-dịnh làm chức Tổng-Trấn.

Lê-Tả-Quân ở đây rồi được lòng dân, đến ngày mất rồi, dân địa phương lập đền thờ sập lạng ngài, gần xa nghe đồn linh hiển, đều đến khấn vái, nên hương lửa quanh năm không dứt, đến hiện nay vẫn còn.

Tiểu rằng nhiều người thấy vậy, lợi dụng, bày ra xam quẻ và toa thuốc trị bệnh để thủ lợi riêng, làm mất vẻ oai nghiêm và sự lạc ý nghĩa sùng bái một vị danh thần lương-tướng.

Hữu-quân Vô-Tánh

Ông này cũng đồng thời với Tả-Quân LÊ-VĂN-DUYỆT, nguyên người Tân-Hòa, (Gia-dịnh), theo đức Gia-Long từ ngày, ngài mới vào Gia-dịnh lập được công trận, ngài

mỗi gà em gói ngài là Công-Chúa NGỌC-DUNG cho, rồi ngài sai ra trấn thành Bình-Định, bấy giờ quân Tây-Son nghe tiếng đạo quân của bề-luong VÕ-TÁNH tới đó, nên Nguyễn-quang-Toản (con của NGUYỄN-HUY) sai đồng tướng kéo tất cả hai đạo binh thủy và bộ đến thành Bình-Định bao vây. Đã 9 tháng trời, VÕ-TÁNH nhiều lần toan đánh phá giải vây, nhưng Tây-Son đắp thành lũy bốn mặt rất kiên cố, không thể đánh phăng ra được. Trong lúc nguy cấp, và lại lâu ngày trong thành lương thực đã hết, VÕ-TÁNH mới nghĩ kế cho người lên ra thông tin với đức GIA-LONG đang trú quân ở cửa biển Thi-Nại (Qui-Nhon) xin ngài hãy thừa dịp đại quân của Tây-Son đang vây chặt ở đây, ngài mau mau kéo thủy quân ra đánh úp thành Phú-Xuân, thế là liệu một mình tôi mà ngài thân phục được Thuận-Hóa. Quả nhiên, ngài nghe lời, nói trong tuần ấy, ngài thân phục lại Phú-Xuân.

Còn ông VÕ-TÁNH, ở trong này truyền quân sĩ chặt lửa dưới lầu bát-giác, rồi ông tự lên đầu hỏa châm lửa thiên mình.

Đoạn mở cửa thành cho Tây-Son vào, thì VÕ-TÁNH chỉ là một đồng tro vùi xác cháy. Ông HẬU-QUÂN NGỖ-TÙNG, CHÂU cũng uống thuốc độc chết một lần trong thành.

Ông Trung-Quân Nguyễn-văn-Thành

Người Thừa-Thiên theo chúa Nguyễn-Ánh từ hồi
ngài còn trấn thủ Thuận-Hóa, sau Tây-Son đuổi chạy vô

Gia-Định, ông Thành cũng chạy theo, ra trận lập được nhiều công, sau khi chừa tức vị Gia-Long, ông được phong chức Trung-Quân qua tước Minh-Mạng, ông Thành bị người con là NGUYỄN-THUYỀN, làm một bài thơ có ý bực nghịch, ông Thành bị kết án không biết giáo huấn, nên cũng chịu tử hình như con.

Ông Trịnh-Hoài-Đức, Đỗ-Thanh-Nhon và Nguyễn-Huỳnh-Đức

Những bậc tướng tài, theo phò vua Gia-Long hồi ngài chạy vô Gia-Định, đã làm cho trông sĩ Tây-Son khiếp sợ kinh hồn tán đởm, chúng đã dẫn danh « GIA-ĐỊNH TAM-HUNG », ba tay anh hùng Gia-Định: VÕ-TÁNH, ĐỖ-THANH-NHON, TRỊNH-HOÀI-ĐỨC. Ông Trịnh-Hoài-Đức và Đỗ-Thanh-Nhon, kẻ tài năng cũng ngang hàng với ông Võ-Tánh.

Hai ông này, tánh rất nóng nảy, quân sĩ đã gọi bằng một tên riêng : TRƯƠNG-PHI lớn (TRỊNH-HOÀI-ĐỨC), TRƯƠNG-PHI nhỏ (ĐỖ-THANH-NHON). Hễ mỗi lần được lệnh sai đi ra trận, thì 2 ông đều hăng hái, vào trận địa như tới chỗ không người. Sau khi đại-dinh thiên hạ, vua Gia-Long đều phong tước hầu, liệt vào hàng khai-quốc công thần, và cấp cho ruộng làm hương hóa.

Bừu Quân Nguyễn Huỳnh Đức

Người hạt Định-Tường (Tân an) có sức mạnh hơn người, mặc dầu thiếu học, nhưng thờ vua Gia-Long rất hết lòng trung nghĩa. Có lần vua Gia-Long bị giặc Tây-Son đuổi nã, ngài nhẩy vào bụi rậm, NGUYỄN-HUỖNH-ĐỨC theo ngài, trong đám lùm cây, vua mệt nhọc nằm ngủ say, HUỖNH-ĐỨC ngồi bên cạnh vua, lấy tay làm quạt, đuổi muỗi suốt đêm, không dám động dậy, sợ lá cây rung, giặc trông thấy. Có lần vua chạy sụp xuống lầy, HUỖNH-ĐỨC kéo lên và cùng vua chạy mau để thoát nạn.

Bã vậy, tính người cương trực, gặp sự bất bình thì nói ngay, không hề kiêng nể.

Đức Gia-Long cảm người tài trung trực, lại có tính thâm thúy trọng đạo vua tôi, nên sau khi đánh tan quân giặc phong tước công và cấp ruộng hương hỏa cùng ruộng hương với các vị công thần khác.

Ngoài các vị công thần của vua Gia-Long đã kể trên ông CHÁU-VĂN-TIỆP cũng một công thần cần phải đề vào lịch sử.

Châu-văn-Tiếp

Xuất thân trong một nhà nghèo ở miền biển, nhưng nghe chúa NGUYỄN-ANH người hiền đức, trông diện mạo có vẻ đồ vương, nên ông xin Thập lạng theo. Nhờ có sức mạnh và biết thao lược theo kỹ luật hải quân, nên ngài giao cho kiểm quản một đội chiến thuyền, theo ngài trên các vùng cửa biển.

Ngày nọ, vua Gia-Long bị quân Tây-Son đuổi nã đến Hà-Tiên, trú ngụ ngoài đảo Phú-Quốc, CHÁU-VĂN-TIỆP nghe tin, đốc sức chuyển thuyền, từ Long-Xuyên đến Hà-tiên cứu viện, trận này TIỆP đánh bại được quân Tây-Son. Ngày vua Gia-Long phục quốc, cũng phong tước hầu cho CHÁU-VĂN-TIỆP và đặt ruộng hương hỏa theo hàng công thần.

Nguyễn - công - Trứ

Người tỉnh Nghệ-An, thi đỗ tiến sĩ triều Minh-Mạng. Ông TRỨ có tài văn võ, được vua Minh-Mạng trọng dụng, năm Minh-Mạng 14 (1820) CÔNG-TRỨ bổ nhận chức Tổng-dốc hai tỉnh Hưng-Yên và Hải-Dương, dâng mưu lược đánh được tên giặc thổ phi NÔNG-VĂN-VÂN, dân được 17.900 ruộng, thành được 2 huyện Kim-sơn và Tiến-hải, rồi chia đất ấy cho dân; dân càng đời ơn thêm nhiều. Kể suốt hai ngàn năm lịch sử quan lại Nam-triều, chưa hề thấy có một vị quan nào lo lắng cho dân như ông NGUYỄN-CÔNG-TRỨ. Một điều đặc biệt nữa là sau khi ông đã về hưu mà dân 2 huyện ấy cổ hũu ông ở lại. Mỗi đến ngày ông mất dân 2 huyện lập đền thờ để kỷ niệm công đức cho đến ngày nay vẫn còn.

Phan-thanh-Giản

Người tỉnh Bến-Tre (Nam-kỳ) thi đỗ tiến-sĩ vào đời Minh-Mạng, một nhà văn học trứ danh ở Nam-kỳ. Đến

triều Tự-Đức (1849) làm quan dần Khâm-sai, có tiếng thanh liêm cương quyết, vua lại sai vào làm Kinh-lược Nam-kỳ, kiêm chức Tổng-Trấn 3 tỉnh miền Hậu-Giang. Khi quân Pháp kéo tới báo vây tỉnh lỵ Vĩnh-Long, ông liệu thế không chống cự nổi, nhậm đời rồi uống thuốc tự tử (1867).

Sử chép rằng: Ông PHAN-THANH-GIÂN thật là một vị trung thần, không chịu lấy lối sống để thấy cảnh nước mất nhà tan, nên tha thối để tỏ tấm lòng thủy chung với nước. Một vị văn quan mà có tâm sự như thế, thật ít có thay!

Cao - bá - Quát

Người tỉnh Hải-Dương, cũng anh ruột là CAO-BÁ-ĐẠT, đồng thi đậu Cử-nhơn về đời Tự-Đức. Ông Quát ở Bắc-kỳ nổi danh quân quân về văn học, người tánh cách cao kỳ, xem người đời đều bọn tầm thường碌碌, vì vậy mà vào thi hội, quan chấm trường đều ghét, tìm quyền phê rớt, không cho đỗ Tiến-Sĩ.

Nhưng vua Tự-Đức nghe tiếng và thấy văn, ngài mến tài, triệu vào kinh bổ cho chức quan nhỏ ở bộ. Ông QUÁT có ý bất mãn, thường tỏ ra trong những câu thi ngạo nghễ, vua không nỡ phế truất, bèn bổ cho ra làm chức Giáo-Thư ở một xứ thượng du Bắc-kỳ.

Thế mà tánh khinh đời của ông Quát cũng vẫn không chưa.

Xem câu liền của ông dán ở trường giáo thi đủ biết.

« Nhà giáo bốn năm gian, một thầy, một cô, một chỗ cái,

« Học trò dăm bảy đụn, nửa ruộng, nửa mội, nửa lưỡi-uoi ».

Nghĩ mình có tài mà đời không biết dùng, bực tức, ông bèn đâm ra làm cách-mạng.

Ban đầu cụ tụ những tay phú hào, rồi mộ quân lính hơn 10 ngàn, hiệu triệu cả xứ Bắc-Kỳ đầu tiên kéo binh đánh được một huyện lỵ, san toàn kéo xuống các tỉnh miền Trung-Châu, nhưng quân quân ở tỉnh hợp lại đánh cho tan rã, bắt sống được CAO-BÁ-QUÁT, bỏ cũi giải về kinh xử tử. Anh là CAO-BÁ-ĐẠT cũng đồng tội tử hình.

Nhà sử bàn rằng: Người có tài mà đời không biết dùng một địa vị xứng đáng, thường hay phản nất bất đắc dĩ, anh em em chỉ ngóng chờ, thật cũng đáng thương. Như việc CAO-BÁ-QUÁT đây, đối với nước nhà vẫn không tránh khỏi tội loạn thần, nhưng với công luận đời sau, chưa hẳn đã là tội phản tộc. Người đọc sử nên thận trọng chỗ phán đoán sự hành động của kẻ phi thường.

Ba ông Hoàng Tùng-Thiện, Tuy-Lý và Tương-An

3 vị Hoàng Tử này đều là con vua Minh-Mạng. Thuở nhỏ nhờ có thiên tư, lại chăm học hỏi, nên nổi danh một thời. Ông TÙNG-THIỆN-VƯƠNG và TUY-LÝ-VƯƠNG,

sức học và văn chương chữ Hán có thể tương đương với nhau. Về đời vua TỰ-ĐỨC, bọn danh sĩ nổi lên rất nhiều thế mà đối với đường học thức cao sâu, chưa có ai sánh kịp.

Hai ngài sòng nhứt về nghề thi, mỗi ngài đều có soạn mỗi tập thi gọi là THƯƠNG-SƠN và VỸ-GLA. Người Tàu đã có câu thi khen tặng: « Thi đũa từng, tuy thất Thịnh Đường », nghĩa là thi của hai ông TÙNG-THIỆN và TUY-LÝ là làm mất cả đời Thịnh Đường.

Ông hoàng Trương-An lại có tài riêng về quốc văn, hiện nay ở Huế có nhiều bài truyền tụng. Tuyệt tác nhất là tập « HUÔNG-GIANG-HOÀI CỎ KHÚC » có nhiều câu châm biếm người đời rất đau đớn, làm cho đọc đến phải cảm động thương lắm.

Ở địa vị cường giả phương bắc mà có một ông vua như ông vua này, tưởng cũng một nhơn vật hiếm có trên lịch sử vậy.

Nguyễn-trường-Tộ

Người tỉnh Nghệ-An, theo Thiên-Chúa-Giáo, nhờ vậy được đi theo các ông linh-mục sang nhiều nước bên Âu-châu.

Thuở ấy vào đời vua Tự Đức, sau khi NGUYỄN-TRƯỜNG-TỘ đã mục kích tình hình các nước văn-minh ngoại quốc một cách tinh tường, về nước mới dựng cho triều đình một bức thư, diễn tả đại cuộc, xin nhà vua phải mau mau cải cách lại chính thể trong nước từ nội trị

đến binh bị, ngoại giao, không nên thủ cựu, nghĩ mình tự túc, nếu không sớm liệu, thì sẽ tránh không khỏi người ngoại xâm lăng.

Nhưng nhà vua cho là nói khoác, không chịu thi hành, thành thử nhà ái quốc họ Nguyễn đành chịu vùi lấp với cỏ cây.

Trải qua một thời gian không bao lâu, quả nhiên nước Việt-Nam lâm vào cảnh nước Pháp sang bủa họ.

Những nhà thức thời ai cũng tiếc cho vua Tự-Đức chẳng có thấy xa, nhứt là quan triều bầy giờ, thấy bản điều trần của Nguyễn hiền-sanh, lại sanh đổ kỵ, sợ nhà vua có thu dụng người mới mà ruồng bỏ bọn mình, nên thừa dịp kỵ ngân đón nhà vua với nhiều lời dèm siểm. Thật đáng tiếc cho một nhà hào kiệt thức thời !

thuongmaitrongxua.vn Trương-vinh-Ký

Sinh trưởng trong một nhà có đạo Thiên Chúa ở Cái-mơn (Vinh-long) năm 1856 tiền sanh mới 20 tuổi đã học thông thạo, ngoài chữ Pháp, và La-tinh ra, còn biết thêm được nhiều thứ chữ như Anh, Tây-ban-nha, Mã-lai, và chữ Hán, Cao-mên, Xiêm, Nhật bốn nữa, nhờ lúc nhỏ theo Cô Hòa (Père Bellereaux) sang học ở Phi-năng (Penang) 8 năm, có thiên tư lanh lợi, nên được thành tựu dễ dàng.

Năm 1863 đứng làm thông ngôn cho sứ thần Pháp trong cuộc nghị hòa với sứ thần Nam-triều Phan-thanh-Giân, Phạm-phủ-Thức.

1883, chánh-phủ Pháp ở Nam-kỳ cử cụ ra Huế dạy vua Đồng-Khánh lĩnh chức ngự tiền giảng quan.

Cụ Trương-vĩnh-Kỷ, muốn đem tài học ra giúp vua trong buổi nước nhà mới bình định, nhưng trong triều còn nhiều vị quan liên hủ lậu, đem lòng ganh ghét, khuyên vua không nên dùng người có đạo đức nhân và người của Pháp đưa ra. Cụ nghe vậy sanh lòng chán nản, nên một hai xin từ chức trở về, vua Đồng-Khánh vẫn thường tiếc một người hiền tài, song không muốn trái ý các quan triều, bèn thăng cụ hàm Lễ-bộ Tham-trì, rồi ngài phải dọn chiếc long-thuyền đưa cụ về Nam.

Trương-vĩnh-Kỷ tiền sanh, người ôn-hòa mà ngay thẳng, yêu nước một cách kín đáo biết thời thế không thể vận-hội được, nên chỉ chăm về một phương pháp mở mang dân trí, nên soạn ra sách quốc ngữ văn vần dạy đời.

Lúc bấy giờ, chữ quốc-ngữ ở nước ta chưa được phổ thông, nhờ những sách ấy lưu hành mà ngày nay ở Nam-kỳ nhiều người còn đọc thuộc. Trong các loại sách, có cuốn Tự-Vị Trương-vĩnh-Kỷ là phổ-thông cả Trung Nam Bắc, một cuốn sách rất hữu ích cho nước nhà.

Năm 1927 là đúng « bách chu niên » (trăm năm) Sĩ phu Nam-kỳ làm lễ dựng hình kỷ niệm Trương-tiền-sanh rất long trọng.

Ngày nay ai đi qua đại lộ Norodom trong thấy di-tượng của tiền-sanh không khỏi ngậm ngùi nhớ tưởng đến công-nghiệp của một bậc vị nhơn.

Nguyễn đình-Chiêu

(tức Đồ-Chiến)

Ở Nam-kỳ, nếu muốn biết một nhà hiền nho, lúc học, và khi tiết cao-thượng, tướng ngoài Thủ-khoa-Huân, Thủ-khoa-Nghĩa ra không còn ai hơn cụ Đồ-Chiến.

Nhưng hai ông Thủ-khoa-Huân và Nghĩa-sư nghiệp chỉ vang bóng có một thời, duy có cụ Nguyễn đình Chiếu là người lịch sử không thể bỏ qua được.

Thi đồ tú-tai đời Thiệu-trị, qua đến Tự-Đức, thấy trong nước gặp phải hồi đảo điên, nên quyết ở thôn quê, dạy học trò để tiêu dao ngày tháng, có nhiều bạn thân như Tôn-thọ-Tương viết thư khuyên ra tùy cơ giúp nước, nhưng cụ vẫn từ chối, không chịu xu thời, cứ một một an bản, không hề thêm thuồng mỗi phút.

Thi đồ tú-tai truyền lại, ở trong Nam nhiều người còn thuộc lòng, ai nghe qua cũng phải phục tài xuất chúng.

Người ta còn nhớ công nghiệp một nhà đạo đức lại có công trong văn hóa, nên hội Văn-hữu Nam kỳ có làm lễ truy niệm rất long trọng tại quê quán ở Bến tre trong năm 1936.

Sự nghiệp văn-chương, hiện nay còn để lại bộ truyện Lục-vân-Tiến và cuốn Gia-huân. Nhà thơ vì viện Nam-kỳ vẫn còn nguyên bản. Đó là công trình bất hủ của một danh nho.

Phan-châu-Trình

Người Quảng-Nam đỗ Phó-Bảng-triều Thành-Thái năm 1900. Nhờ đọc sách Lương-khai-Siêu và Khương-hiền-Vĩ mà cảm thấy nước mình cần phải cải cách, nhất là chánh-

trị và văn học. Ông lại từng thấy chánh-phủ Nam-Triều bấy giờ, nhiều điều hủ bại. Đang làm quan, bèn cáo về chuyên việc cổ động tân học, đi diễn thuyết khắp nơi.

Ông lại đứng cho chánh-phủ Pháp một bản điều trần, yêu cầu cải cách theo chính thể dân chủ.

Vì vậy mà trong đám quan trường căm ghét, bảo ông là nhà phản nghịch, kết án tử hình, rồi đày đi Côn-Đảo. Ở đó được 3 năm, nhờ chánh phủ Pháp xét ra vô tội, nên ân xá về và cho sang Pháp. Ông ở Pháp gần 20 năm, năm 1923 về nước, định cổ động mở trường tân học, mở xưởng kỹ nghệ ở nước nhà, nhưng công việc chưa thành thì ông đã mất.

Những nhơn vật gian-hùng

Nguyễn-hữu-Chính

Thi đỗ Cử nhân đời hậu Lê, hay chữ hạng nhất ở xứ Nghệ-An, tục gọi « CỒNG-CHÍNH ».

Người có tài lược và nhiều mưu trí, khi nghe Nguyễn-Huệ xưng vương, ở Qui-Nhơn CHÍNH tìm lời yết kiến, đứng kể, xin HUỆ hãy dùng danh nghĩa « Phò Lê diệt Trịnh », để thu phục nhơn tâm. HUỆ cho là phải, mới giao cho CHÍNH chỉ huy hai đạo binh ra đánh Trịnh ở Bắc-Hà. Lập được chiến công, HUỆ liền giao cho quyền trấn thủ tỉnh Nghệ-an. Nhưng CHÍNH lại được vua LÊ-CHIEU-THỐNG vời ra Thăng-Long, đem theo một muôn binh để ủng hộ nhà vua. CHÍNH ra đó đuổi được Trịnh-Bồng, được vua phong cho tước Bàng-Quận Công, từ đó oai

quyền CHÍNH lại còn quá hơn ngày trước Trịnh. HUỆ ở Thuận-Hóa, nghe CHÍNH đã bỏ Nghệ-An ra Hà-nội, toàn đông binh quyền, để tiến ngôi vua, nên HUỆ lập tức kéo đại quân ra, sai tướng NGÔ-VĂN-SỞ bắt giết CHÍNH về tội phản phúc.

Ngày NGUYỄN-HUỆ bỏ CHÍNH lại Nghệ-An CHÍNH cũng hèn, nên có làm bài văn « Tần cung Phụ-Nữ oán Thái-Công » để tố lòng thất vọng. Bài văn ấy, CHÍNH mượn lời phụ-nữ oán BAI-CÔNG để oán HUỆ. Lời văn trần thống lý ai, người tỉnh NGHỆ-AN phần nhiều thuộc hết, dùng cho một áng văn kiệt tác của một nhà độ nhút văn tài.

Nguyễn-văn-Tường

Người Quảng-Trị, học giỏi, thi đỗ cử-nhơn còn trẻ tuổi.

Ông vốn có chí lớn, đã muốn làm ngay vua trở nên vua chúa. Nghĩ xa như vậy mới đặt tên mình là NGUYỄN-PHƯỚC-TUÔNG, có ý thơ từ qua lại với người Tần, để người Tần hiểu lầm là con giống « NGUYỄN-PHƯỚC ».

Chờng vua Tự-Đức duyệt lại danh sách Cử-Nhơn, thấy tên NGUYỄN-PHƯỚC-TUÔNG, ngài cho là lạm dụng giống giới hoàng-tộc, nên khóa ấy TUÔNG bị đánh hồng Cờ-Nhơn, khóa sau đổi lại « NGUYỄN-VĂN-TUÔNG » mới trúng tuyển.

Lên tới các nhà quyền quý, thăng chức rất lạ lùng, ngay ở địa vị Thượng-Thư, lại dụng TÔN-THẤT-THUYẾT ở lý, nên kết làm bạn thân để đề bề hoành hành thế lực.

Đợi ngày vua Tự-Đức thăng hà, TUÔNG sai THUYẾT ám hại tự quân (Hoàng Thái-tử DỤC-ĐỨC) rồi

giữa cả vua HIỆP-HÒA kể vì để tôn ông KIẾN-PHÚC con người học phượng lên ngôi. Nhiều người nói vua KIẾN-PHÚC cũng bị TUÔNG lừa dối chết.

Bởi đó TUÔNG đem vua HÀM-NGH lên ngôi, vì lợi dụng vua HÀM-NGH trẻ tuổi (9 tuổi) để mình làm phụ chính đại-thần.

Bên chúng Kinh-dô Huế thất thủ, quân Pháp nhập thành, TUÔNG gửi bộ cùng THUYẾT hộ tống vua HÀM-NGH chạy nạn, nhưng nửa đường, TUÔNG giao vua cho THUYẾT hộ giáo, còn mình thì trở lại.

Khi về, TUÔNG lại lên vào nhà thờ Thiên-Chúa ở Phú-Cam, nhờ đức Giám-mục ALY giới thiệu cùng nhà đường công Pháp, để cho mình lên cắm mối nước.

Nhưng cũng may, người Pháp biết rõ TUÔNG gian xảo, chẳng những không dùng mà lại còn đuổi đi khỏi đất Việt-Nam.

Ở Huế hay giờ, dân gian có câu ca dao:

« Nước Nam có bốn anh hùng.

« TUÔNG gian, VIÊM báo, KHUẾM không, THUYẾT ngu » (1)

(1) Sau này cho-Tường, Tôn-Tấn-Thuyết, công việc đã thất bại, Viêm là Hoàng-Kổ-Viêm, nhà văn sĩ đi nga quân Pháp ở Bắc-Kỳ, bị thực cũng như, rất quân Pháp học xong Tả đi nơi khác, Thổ-nhữ Viêm đang số, số triệu nói rằng quân mình thắng lợi.

Khiến là ông Lê-Khiến, ông của Tôn-tấn-thuyết thất thủ. Khiến tra quan ở các Tư-Hiến không hay biết chỉ biết tường là quân Pháp đã đi xa, khiến có việc thung đang phải cơ đánh trong tay nhưng không tấn.



Giấy phép số 37
Ngày 22-2-1948
do Bộ-Tuyên-Truyền
Kiểm duyệt

TÂN-SANH THO-XÁ

Chủ-nhiệm : Nguyễn-Thị-Phương Lan

xuất bản toàn loại sách học

DÀ XUẤT BẢN:

thuongmaitruongxua.vn

- 1) VĂN « A. B. C. »
- 2) LUÂN-LÝ GIÁO KHOA THƯ I
- 3) LỊCH-SỬ GIÁO KHOA THƯ II

SẮP XUẤT BẢN:

ĐỊA-DƯ GIÁO KHOA III
VỆ-SANH GIÁO KHOA IV
CHÁNH-TRỊ GIÁO KHOA V

BÁN SĨ VÀ BÁN LẺ TẠI :

— 108 Rue Boressac, Saigon
= Nhà in « La Lumière » Mytho,